TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 10 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PN, xã TP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

* *Bị đơn*: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PSB, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Năm 2015 chị H và anh N kết hôn trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị H và anh N có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải. Năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu được ly hôn với anh N. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Như T, sinh ngày

09/02/2016, hiện đang sống với chị H. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Phạm Văn N đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh H quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N. Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị H và anh N có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị H và anh N là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Như T, sinh ngày 09/02/2016, hiện đang sống với chị H. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H là phù hợp, bởi cháu Như T, từ lúc cha mẹ ly thân cháu sống với chị H, nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của cháu Như T nên Hội đồng xét xử giao cháu Như T cho chị H trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị Hi phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 2, Điều 9; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Huỳnh Như T, sinh ngày 09/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số No 0010936 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB nên chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Chị H và anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân

tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Chi